

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2021

V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Sỹ Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Vinh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 27/10/2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986, HKTT: Thôn H, xã T, TX H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Đội 9, thôn G, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H; sinh năm 1986; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, TX H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể); vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Bùi Hồng T, sinh năm 1946 và chị Bùi Thị H, sinh năm 1971; đều trú tại: Thôn H, xã T, TX H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H đăng ký kết hôn ngày **22/10/2007** tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc sinh con, tuy nhiên vợ chồng vẫn cố gắng để bảo ban nhau nuôi dạy con cái. Năm 2010 chị H đi lao động nước ngoài. Năm 2011 anh H đi xuất khẩu lao động Đài Loan, về nước nhiều lần, tháng 11/2019 anh H trở lại Đài Loan lao động. Năm 2016 chị H về Việt Nam sinh con thứ hai và sống cùng gia đình chồng. Quá trình làm việc tại Đài Loan, vợ chồng chị đều gửi tiền về cho bố chồng giữ hộ. Từ năm 2019 đến nay quan hệ giữa chị và anh H căng thẳng. Nguyên nhân do anh H không quan tâm đến chị, vô trách nhiệm với các con, nghe lời bố mẹ xúc phạm tới chị, chị cảm thấy nặng nề và mệt mỏi. Tháng 7/2019 chị đã đưa theo con thứ hai về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm đối với anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị làm đơn yêu cầu TAND tỉnh Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Bùi Thị Diệu A, sinh ngày 30/6/2008 và Bùi Phương A, sinh ngày 01/8/2016**. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Bùi Phương A. Còn con chung Bùi Thị Diệu A thì tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu, nếu cháu có nguyện vọng ở với chị thì chị đồng ý còn nếu anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng Diệu A thì chị cũng chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại buổi làm việc ngày 03/02/2020, bị đơn anh Bùi Quang H trình bày có nội dung thống nhất với chị H về thời gian, địa điểm kết hôn. Tuy nhiên, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là khi anh đang lao động ở nước ngoài thì chị H đã có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, tuy nhiên anh không mong muốn ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung **Bùi Thị Diệu Anh, và Bùi Phương Anh**. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh là được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung, còn trong trường hợp chỉ được nuôi 01 con chung thì anh yêu cầu được nuôi cháu Bùi Thị Diệu A. Trong thời gian anh chưa về nước thì nhờ bố mẹ anh là ông Bùi Hồng T và bà Võ Thị H chăm sóc con chung thay anh. Anh không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị gái là Bùi Thị H vì anh là lao động tự do, không có địa chỉ cụ thể.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Bùi Hồng T có đơn tình nguyện chăm sóc cháu Bùi Thị Diệu A thay anh H và không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng tiền nuôi cháu Diệu A. Chị Bùi Thị H đồng ý nhận sự ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Bùi Văn H và cam đoan thông báo kịp thời, đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H.

Con chung trên 7 tuổi **Bùi Thị Diệu A có nguyện** vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 37, 39, 228, 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn chị Phạm Thị H được ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn H. Giao con chung Bùi Phương A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Thị Diệu A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh H chưa về nước ông Bùi Hồng T tự nguyện chăm sóc cháu Diệu A thay anh H. Anh H và chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu trước khi xuất cảnh tại xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan (xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 30/11/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã có yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị gái là Bùi Thị H. Vì vậy, việc vắng mặt của bị đơn không làm trở ngại cho việc xét xử và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị

đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn H đăng ký kết hôn vào ngày **22/10/2007** tại Ủy ban nhân dân xã Vạn T, huyện N, tỉnh T và đã được ghi vào Sổ đăng ký kết hôn số 38, quyển 01/2007. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn H thấy rằng:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù thời điểm mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng trình bày khác nhau. Theo chị H nguyên nhân là do bất đồng trong việc sinh con từ năm 2016. Đến năm 2019, mâu thuẫn trầm trọng do chị không được sự tôn trọng từ chồng và gia đình chồng. Còn theo anh H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Hiện tại chị H đã về nhà ngoại sinh sống và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với anh H, trong khi đó anh H mặc dù không muốn ly hôn nhưng không có bất cứ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*” (Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Vì vậy, cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn với anh P.

[2.2] Quan hệ con chung: Mặc dù cả nguyên đơn và bị đơn đều thể hiện nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng các con chung, tuy nhiên cả hai vẫn thống nhất được với nhau việc giao con chung Bùi Thị Diệu A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Phương A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp bởi lẽ chị H là lao động phổ thông, thu nhập ở mức trung bình, cuộc sống gặp nhiều khó khăn nên nếu giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo được cuộc sống tốt cho cả hai con chung. Trong khi đó, cháu Bùi Thị Diệu A đang học lớp 7 tại trường Trung học cơ sở T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu đều sống chung trong nhà với ông bà nội, đặc biệt trong thời gian chị H đi làm ăn, bỏ về nhà ngoại

sinh sống cháu vẫn được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử nghĩ không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu, sẽ ảnh hưởng không tốt tới tinh thần, sức khỏe và việc học tập của cháu. Vì vậy, mặc dù cháu có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên xem xét tất cả điều kiện với mục đích đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu nên giao cháu cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H chưa về nước ông Thái tự nguyện chăm sóc cháu Diệu A thay anh H. Nếu sau này, chị H chứng minh được bản thân có đủ điều kiện chăm sóc con chung Bùi Thị Diệu A tốt hơn anh H hoặc chứng minh được anh H và người thay anh H nuôi dưỡng cháu Diệu A không tốt thì có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn bằng một vụ án khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Những người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.4] Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Phương Anh, sinh ngày 01/8/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Bùi Thị Diệu A, sinh ngày 30/6/2008 cho anh Bùi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H chưa về nước, ông Bùi Hồng T tự nguyện chăm sóc cháu Diệu A thay anh H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị H và anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí : Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000067 ngày 26/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào

